TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY ĐỨC
TỈNH ĐẮK NÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 04/2023/HNGĐ-ST
Ngày 30-3-2023
"V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY ĐỨC, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Triệu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Tiến Hóa và bà Phan Thị Kim Loan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức tham gia phiên toà: Ông Phạm Ngọc Cảnh – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 21/2023/TLST-HNGĐ ngày 11/01/2023 về việc *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đinh Thị N, sinh năm 1985 – có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn TB, xã ĐN, huyện TĐ, tỉnh Đắk Nông.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị Đinh Thị N: Ông Nguyễn Văn T – Luật sư Công ty luật TNHH S – có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Công B, sinh năm 1982 – có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn TB, xã ĐN, huyện TĐ, tỉnh Đắk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Đinh Thị N trình bày: Chị N và anh B kết hôn năm 2003 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ND, huyện K, tỉnh Hưng Yên, việc kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện không bị ai ép buộc, được hai bên gia đình đồng ý. Vợ chồng chung sống không có hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình vợ chồng

không hợp, nên vợ chồng thường hay cãi vã xúc phạm lẫn nhau, anh B không tôn trọng chị N và thỉnh thoảng có đánh đập chị N. Do mâu thuẫn không thể hàn gắn vợ chồng đã sống ly thân.

Chị N cho rằng tình cảm đối với anh B không còn, hai bên đã không còn quan tâm gì đến nhau, cuộc sống hôn nhân của anh chị không thể hoà hợp, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị N làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức giải quyết cho ly hôn với anh B.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 03 con chung là cháu Nguyễn Thị Thu Th, sinh ngày 04/01/2004, đã trưởng thành; Nguyễn Công D, sinh ngày 08/01/2006 và Nguyễn Công H, sinh ngày 14/12/2007. Chị N yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con chung theo nguyện vọng của các con và theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Lời khai của anh Nguyễn Công B trong quá trình giải quyết vụ án: Anh B thừa nhận việc kết hôn với chị Đinh Thị N, có đăng ký kết hôn năm 2003 tại Ủy ban nhân dân xã ND, huyện K, tỉnh Hưng Yên trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện như chị N trình bày. Trong thời gian chung sống vợ chồng có 03 con chung là Nguyễn Thị Thu Th, sinh ngày 04/01/2004, đã trưởng thành; Nguyễn Công D, sinh ngày 08/01/2006 và Nguyễn Công H, sinh ngày 14/12/2007, hiện nay các con đều đang sống cùng anh B.

Anh B hoàn toàn đồng ý với ý kiến của chị N về mâu thuẫn của vợ chồng. Anh B khẳng định tình cảm vợ chồng với chị N không còn nên anh cũng đồng ý ly hôn. Về con chung, đối với cháu Nguyễn Thị Thu Th đã trưởng thành. Riêng cháu Nguyễn Công D, Nguyễn Công H anh B đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức phát biểu quan điểm: Toà án nhân dân huyện Tuy Đức thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về người tham gia tố tụng và thu thập chứng cứ: Toà án xác định đúng người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, cấp tống đạt văn bản tố tụng cho những người tham gia tố tụng đúng quy định, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung vụ án: Sau khi phân tích, đánh giá chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án, căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đinh Thị N, cho chị Đinh Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Công B.

Về con chung: Đề nghị giao cháu Nguyễn Công D, sinh ngày 08/01/2006 và cháu Nguyễn Công H, sinh ngày 14/12/2007 cho anh Nguyễn Công B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh B không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

Về án phí: Chị Đinh Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0002468 ngày 10/01/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết vào quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị Đinh Thị N khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Công B có nơi cư trú tại thôn TB, xã ĐN, huyện TĐ, tỉnh Đắk Nông do đó đây là tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu ly hôn của chị N với anh B, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Ngày 26/02/2003, chị Đinh Thị N và anh Nguyễn Công B tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã xã ND, huyện K, tỉnh Hưng Yên theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình nên quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh B là hợp pháp.

Xét thấy, cả chị N và anh B đều cho rằng cuộc sống chung xảy ra nhiều mâu thuẫn kéo dài và vợ chồng đã sống ly thân, nguyên nhân do tính cách vợ chồng

không hợp, bất đồng quan điểm sống. Chị N khẳng định hiện nay không còn tình cảm và không còn quan tâm đến anh B nên yêu cầu giải quyết ly hôn, anh B cũng đồng ý ly hôn với chị N. Hội đồng xét xử xét thấy, với thực trạng hôn nhân nói trên cho thấy mâu thuẫn giữa chị N và anh B đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của chị N với anh B là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Anh Nguyễn Công B đề nghị được nuôi dưỡng các con chung là Nguyễn Công D, sinh ngày 08/01/2006 và cháu Nguyễn Công H, sinh ngày 14/12/2007, đến tuổi trưởng thành. Yêu cầu của anh B là phù hợp với nguyện vọng của các con chung và quan điểm của chị Đinh Thị N. Vì vậy, cần giao các con chung cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh B không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5] Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ cần chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Đinh Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đinh Thị N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Công B.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Công D, sinh ngày 08/01/2006 và cháu Nguyễn Công H, sinh ngày 14/12/2007 cho anh Nguyễn Công B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Chị Đinh Thị N có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung mà mình không trực tiếp nuôi dưỡng, không ai có quyền ngăn cản. Nếu chị N lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom,

chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì người trực tiếp nuôi con là anh B có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của chị N.

Chị Đinh Thị N, anh Nguyễn Công B có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng khi cần thiết.

3. Về án phí: Chị Đinh Thị N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị N đã nộp theo biên lai số 0002468 ngày 10/01/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Đắk Nông;*
- *VKSND huyện Tuy Đức;*
- *Chi cục THADS huyện Tuy Đức;*
- *UBND xã ND, huyện K, tỉnh Hưng Yên;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ, VP.*

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký, đóng dấu)

Nguyễn Xuân Triệu